

UNIT 5 : AROUND TOWN**LESSON 2-1 (New words)****I. New words**

1. order	(v)	/ˈɔːrdər/	: gọi món
2. dessert	(n)	/dɪˈzɜːrt/	: món tráng miệng
3. tip	(n)	/tɪp/	: tiền bo
4. check	(n)	/tʃek/	: hóa đơn
5. change	(n)	/tʃeɪndʒ/	: tiền thừa
6. menu	(n)	/ˈmenjuː/	: thực đơn

II. Choose the word or phrase (A, B, C or D) that best fits the space in each sentence.

1. What food do you often _____ in a restaurant?

- A. to order B. orders C. order D. ordering

2. Harry's favorite _____ is cheesecake.

- A. seafood B. vegetable C. dessert D. meal

3. A _____ is a list of the food and drink you can order.

- A. waiter B. menu C. customer D. chef

4. A _____ works in a restaurant.

- A. teacher B. customer C. waiter D. students

5. Speaker 1: Excuse me. Can I have the check, please?

Speaker 2: _____

- A. Yes, here you are. B. Yes, you can.
C. Yes, please. D. Yes, you would.

6. In some countries, people often leave _____ at a restaurant after eating.

- A. a dessert B. an order C. a tip D. a menu

7. Waiter: What would you like to _____?

Customer: I'd like some orange juice, please.

- A. do B. have C. eat D. drink

8. You usually go to this place when you eat out.

- A. library B. restaurant C. museum D. hospital

9. What's for dessert?

- A. ice-cream B. hamburger C. pasta D. noodles

10. Would you like some coffee?

- A. You're welcome B. That's right C. I don't know D. Yes, please

UNIT 5: AROUND TOWN

LESSON 2-2 (Grammar)

I. Grammar

A. Countable and uncountable nouns

(danh từ đếm được và danh từ không đếm được)

Trong tiếng Anh có 2 loại danh từ là danh từ đếm được (**Countable Noun**) và danh từ không đếm được (**Uncountable Noun**).

1. Danh từ đếm được: danh từ đếm được gồm cả danh từ số ít và danh từ số nhiều:

* **Danh từ số ít** chỉ **một người** hay **một vật**.

+ Dùng mạo từ **“a”** + **danh từ số ít** (bắt đầu bằng 1 phụ âm)

Ex: a book, a ruler, a house...

+ Dùng mạo từ **“an”** + **danh từ số ít** (bắt đầu bằng 1 nguyên âm) (U, E, O, A, I).

Ex: an egg, an ice-cream, an umbrella..

* **Danh từ số nhiều** chỉ **hai người** hoặc **hai vật trở lên**.

+ Thêm **“s/es”** phía sau danh từ đếm được.

Ex: two cakes (2 cái bánh), three boys (3 bạn trai), four boxes (4 cái hộp)

2. Danh từ không đếm được: không có dạng số nhiều (s/es), cũng không có mạo từ **“a/an”** đặt trước

Ex: tea (trà), water (nước), sugar (đường)...

B. SOME / ANY

1. SOME: (1 vài, 1 ít) dùng trong **câu khẳng định**, đứng **trước danh từ đếm được số nhiều** và **danh từ không đếm được**.

Ex: I have some apples. (Tôi có 1 vài trái táo.)

There is some milk in the bottle. (Có 1 ít sữa trong chai.)

* **“Some”** cũng được dùng trong câu yêu cầu, lời mời: *Would you like.....?*

Ex: *Would you like some* coffee? (Bạn có muốn uống chút cà phê không?)

2. ANY: (nào, bất kỳ cái gì) dùng trong **phủ định và nghi vấn**, đứng **trước danh từ đếm được số nhiều** và **danh từ không đếm được**.

Ex: There aren't any chairs in the room. (Không có cái ghế nào trong phòng.)

Do you have any coffee? (Bạn còn chút cà phê nào không?)

C. EXERCISE.

1. I'd like _____ coffee.

A. some B. a C. an D. any

2. Harry would like _____ brownie.

A. a B. an C. some D. any

3. There isn't _____ milk in the bottle.

A. some B. any C. a D. an

4. He is eating _____ cupcake.

A. any B. some C. a D. an

5. Do you have _____ fries left in the kitchen?
 A. a B. some C. an D. any
6. Mary likes _____ omelet for her lunch.
 A. a B. an C. some D. any
7. Would you like _____ drink?
 A. some B. a C. an D. any
8. My sister is buying _____ hamburger.
 A. a B. an C. some D. any
9. A: What would you like for dessert? – B: I 'd like _____ ice-cream.
 A. a B. an C. any D. the
10. Does your father want _____ tea? – Yes, he does.
 A. some B. a C. any D. an

II. Read the following passage. Decide if the statements from 1 to 4 are True or False and choose the correct answer (A, B, C or D) for the questions 5 and 6.

Hi, my name is Tom. I want to tell you about my weekend. My family and I always come to this restaurant on the weekend because the food here is great. There are lots of different food on the menu. I often have fried chicken and some salad for the meal. My parents love soup with mushroom here while my sister likes noodles. I would like to eat an ice-cream for dessert. The service in this restaurant is very good. Waiters are friendly and they serve the food quite quickly. Moreover, the decoration of this restaurant is so impressive. There are many green spaces with plants which bring guests the freshness and relaxation.

True or False

1. Tom's family always goes to the zoo on the weekend. _____
2. They can see lots of different food on the menu. _____
3. Tom's favorite food is noodles and some salad. _____
4. The restaurant's waiters are very friendly. _____
5. What would Tom like for dessert? - _____
 A. a bowl of soup B. an ice-cream C. a cake D. a hamburger
6. Why does Tom's family like this restaurant?
 A. Because it is very famous. B. Because it is very cheap.
 C. Because its food is good. D. Because it is near their house.

UNIT 5: AROUND TOWN**LESSON 2-3 (Pronunciation)****I. Find the word whose underlined part differs from the other three in pronunciation.**

- | | | | |
|----------------------|-----------------------|--------------------|-----------------------|
| 1. A. fri <u>es</u> | B. vegetab <u>les</u> | C. app <u>les</u> | D. dish <u>es</u> |
| 2. A. bu <u>y</u> s | B. call <u>s</u> | C. drink <u>s</u> | D. order <u>s</u> |
| 3. A. do <u>e</u> s | B. lik <u>e</u> s | C. lov <u>e</u> s | D. sal <u>e</u> s |
| 4. A. sk <u>i</u> rt | B. w <u>i</u> ndow | C. med <u>i</u> um | D. ass <u>i</u> stant |
| 5. A. c <u>a</u> ke | B. w <u>a</u> iter | C. w <u>a</u> ter | D. pl <u>a</u> te |

II. Find the word that differs from the other three in the position of primary stress.

- | | | | |
|------------------|---------------|--------------|-------------|
| 1. A. restaurant | B. kitchen | C. hamburger | D. dessert |
| 2. A. family | B. assistant | C. customer | D. chicken |
| 3. A. again | B. before | C. after | D. between |
| 4. A. delicious | B. special | C. beautiful | D. healthy |
| 5. A. kitchen | B. department | C. dinner | D. customer |

III. Choose the word (A, B, C or D) that best fits the space in the following passage.

Nick and Alice like going (1) _____ the city. They want to see everything. Especially, they want to enjoy (2) _____ food. Now they are sitting (3) _____ a famous restaurant to eat dinner. They (4) _____ some dishes like chicken curry, omelet, spaghetti and fries. Their favorite (5) _____ is chocolate cake.

- | | | | |
|--------------------|----------------|----------------|----------------|
| 1. A. near | B. far | C. again | D. around |
| 2. A. beautiful | B. cold | C. delicious | D. exciting |
| 3. A. on | B. in | C. at | D. with |
| 4. A. are ordering | B. are selling | C. are cooking | D. are phoning |
| 5. A. main course | B. dessert | C. menu | D. vegetable |

IV. Rearrange the groups of words in a correct order to make complete sentences.

1. some cheese sandwich / would like / Tom / to order .///

→Tom _____

2. jeans in blue / Does / the shop / have /?//

→Does _____

3. and / are / a red dress / a yellow hat / How much /?//

→How much _____

4. some ice cream / would like / Jane / and a cupcake .///

→Jane _____

5. brownie/ favorite dessert / My mom's / is .///

→My mom's _____